

CẨM NANG TÍN DỤNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 133 /QĐ-NHCS
Ngày 23 tháng 01 năm 2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH)*

DỰ ÁN

**MỞ RỘNG TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CHO NGƯỜI
KHUYẾT TẬT: CHO VAY QUY MÔ NHỎ CHO CÁC CƠ
SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH SỬ DỤNG, PHỤC VỤ
HOẶC DO NGƯỜI KHUYẾT TẬT LÀM CHỦ**

Cẩm nang Tín dụng được dùng để thực hiện cho vay Dự án “Mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật: Cho vay quy mô nhỏ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ”, nguồn vốn do Quỹ Nippon tài trợ.

Cẩm nang Tín dụng được xây dựng trên cơ sở: các văn bản Dự án và quy định cho vay hiện hành của NHCSXH là toàn bộ văn bản hướng dẫn dùng cho cán bộ NHCSXH để triển khai thực hiện và hướng dẫn phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án

Cẩm nang Tín dụng ngoài các quy định, hướng dẫn cụ thể còn có phần phụ lục tham khảo cho quá trình cho vay theo Dự án.

Cẩm nang Tín dụng có thể được chỉnh sửa khi cần thiết tùy điều kiện thực tế của Dự án. Các ý kiến tham gia về nội dung Cẩm nang Tín dụng trong quá trình thực hiện đề nghị phản ánh về Hội Sở chính NHCSXH.

Số: 133 /QĐ - NHCS

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Cẩm nang Tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội dùng cho vay Dự án mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật: Cho vay quy mô nhỏ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Biên bản tiếp nhận Dự án, Thỏa thuận Dự án với Chủ tịch Quỹ Nippon và Bản đề xuất Dự án đã được Quỹ Nippon chấp nhận tài trợ về tiếp nhận thực hiện dự án “Mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật: Cho vay quy mô nhỏ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ”;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Tín dụng học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác,

QUYẾT ĐỊNH:

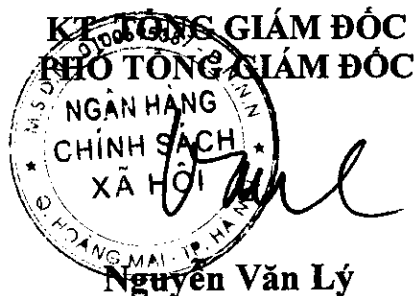
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Cẩm nang Tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội làm cơ sở thực hiện cho vay dự án “Mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật: Cho vay quy mô nhỏ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ”, nguồn vốn do Quỹ Nippon tài trợ tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Ban quản lý Dự án, các Ban tại Hội sở chính, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Đào tạo; Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Tổng giám đốc;
- Quỹ Nippon;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TDSV, HTQT.



MỤC LỤC

A. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	5
B. NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG.....	7
I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	7
II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ.....	8
III. THỦ TỤC VÀ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CHO VAY	10
C. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN.....	59
I. QUẢN LÝ VÀ RÚT VỐN DỰ ÁN.....	59
II. HẠCH TOÁN GIẢI NGÂN CHO VAY DỰ ÁN	60
III. HẠCH TOÁN THU NỢ GỐC – CHO VAY QUAY VÒNG:.....	60
IV. HẠCH TOÁN THU LÃI.....	60
V. TRÍCH LẬP VÀ HẠCH TOÁN QUỸ DỰ PHÒNG RỦI RO.....	60
VI. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ DỰ PHÒNG RỦI RO.....	61

A. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Các từ ngữ dùng trong Cẩm nang Tín dụng này được hiểu như sau:

Hộ gia đình: Theo điều 106 Bộ luật dân sự quy định “Hộ gia đình mà các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định là chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự thuộc các lĩnh vực này”.

Hộ kinh doanh: Theo điều 49 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp quy định: Hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng không quá 10 (mười) lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Theo điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ: Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên), cụ thể như sau:

Quy mô Khu vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người

Người khuyết tật: Theo điều 2 Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 quy định Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

Cho vay bằng nguồn vốn tài trợ ban đầu của Dự án là cho vay bằng nguồn vốn rút từ tài khoản của Dự án do Quỹ Nippon chuyển vốn tài trợ theo chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng dư nợ được Tổng giám đốc giao. Cho vay bằng nguồn vốn Dự án được thực hiện cho đến khi hoàn thành rút hết vốn theo Văn kiện thỏa thuận tài trợ dự án.

Cho vay bằng nguồn vốn quay vòng là sử dụng nguồn vốn thu hồi nợ để tiếp tục cho vay các hộ, doanh nghiệp theo quy định của Dự án trong phạm vi kế hoạch dư nợ được giao. Cho vay quay vòng được thực hiện khi Tổng giám đốc chưa thông báo giảm dư nợ. Việc cho vay bằng nguồn vốn quay vòng do NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào kế hoạch thu nợ để tự cân đối dư nợ với chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Người vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội: là các hộ gia đình, hộ kinh doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ có đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Cẩm nang Tín dụng Dự án, gồm:

- Hộ gia đình có thành viên là người khuyết tật;
- Hộ gia đình do người khuyết tật làm chủ;
- Hộ kinh doanh có thành viên là người khuyết tật;
- Hộ kinh doanh do người khuyết tật làm chủ;
- Hộ kinh doanh có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc;
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa do người khuyết tật làm chủ;
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc

Bảo đảm tiền vay là việc NHCSXH áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi được các khoản nợ đã cho khách hàng vay;

Bên bảo đảm là bên có nghĩa vụ cam kết bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, bao gồm bên thế chấp và tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở trong trường hợp tín chấp.

Bên nhận bảo đảm là NHCSXH nơi cho vay;

Tài sản bảo đảm là tài sản mà bên bảo đảm dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên nhận bảo đảm;

Nghĩa vụ được bảo đảm là một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ dân sự, có thể là nghĩa vụ hiện tại, nghĩa vụ trong tương lai hoặc nghĩa vụ có điều kiện mà việc thực hiện nghĩa vụ đó được bảo đảm bằng một hoặc nhiều giao dịch bảo đảm.

Nghĩa vụ trong tương lai là nghĩa vụ dân sự mà giao dịch dân sự làm phát sinh nghĩa vụ đó được xác lập sau khi giao dịch bảo đảm được giao kết.

Nghĩa vụ trả nợ của người vay đối với NHCSXH bao gồm tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi phạt quá hạn, các khoản phí (nếu có) được ghi trong Hợp đồng tín dụng (hoặc sổ vay vốn, Khế ước nhận nợ) mà người vay phải trả theo quy định của pháp luật.

Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm:

- Tài sản được hình thành từ vốn vay

- Tài sản đang trong giai đoạn hình thành hoặc đang được tạo lập hợp pháp tại thời điểm giao kết giao dịch bảo đảm;

Tài sản đã hình thành và thuộc đối tượng phải đăng ký quyền sở hữu, nhưng sau thời điểm giao kết giao dịch bảo đảm thì tài sản đó mới được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Tài sản hình thành trong tương lai không bao gồm quyền sử dụng đất.

B. NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng vay vốn

NHCSXH cho vay tới các đối tượng khách hàng bao gồm:

a) Hộ gia đình có thành viên là người khuyết tật, Hộ gia đình do người khuyết tật làm chủ (gọi chung là hộ gia đình)

b) Hộ kinh doanh có thành viên là người khuyết tật, Hộ kinh doanh do người khuyết tật làm chủ, Hộ kinh doanh có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc (gọi chung là hộ kinh doanh)

c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc, Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do người khuyết tật làm chủ (gọi chung là Doanh nghiệp nhỏ và vừa).

2. Nguyên tắc cho vay

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;
- Hoàn trả nợ vay (gốc, lãi) đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận.

3. Địa bàn thực hiện Dự án

Dự án được thực hiện tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

4. Nguồn vốn tín dụng thực hiện Dự án

Nguồn vốn tín dụng để thực hiện dự án được Quỹ Nippon tài trợ :

- Số tiền 450.000 USD để cung cấp các khoản vay tài chính vi mô cho các cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ tại Đà Nẵng. Khoản tài trợ được giải ngân 150.000 USD vào đầu mỗi năm.

- Khoản tài trợ này sẽ được giữ lại để tiếp tục cho vay đến đối tượng khách hàng dưới dạng Quỹ quay vòng tại chi nhánh NHCSXH thành phố Đà Nẵng.

5. Mục đích sử dụng vốn vay

Khi quyết định cho vay, NHCSXH cho vay cần xem xét mục đích vay vốn?

- Vốn vay để thực hiện các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh dịch vụ mà pháp luật không cấm theo chương trình, dự án xin vay.

- Mục đích vay vốn phải phù hợp với mục tiêu của Dự án là hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh vì mô có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc do người khuyết tật làm chủ để khởi nghiệp hoặc thực hiện công việc sản xuất kinh doanh nhằm tạo thu nhập ổn định và có sự độc lập về kinh tế.

6. Quyền phán quyết cho vay

a) Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh thực hiện Dự án được quyền phán quyết cho vay tối đa đối với một khách hàng là 500 triệu đồng.

b) Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh thực hiện Dự án được ủy quyền phán quyết cho vay đối với Phó Giám đốc chi nhánh nhưng tối đa không được vượt quá mức phán quyết cho vay quy định trên.

c) Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố thực hiện Dự án được ủy quyền phán quyết cho vay đối với Giám đốc Phòng giao dịch cấp huyện tối đa không được quá 200 triệu đồng/khách hàng tùy theo năng lực của từng phòng giao dịch.

d) Trường hợp Doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn vượt quyền phán quyết cho vay, Giám đốc Phòng giao dịch tổ chức thẩm định và trình lên NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Hồ sơ trình gồm: Tờ trình, Hồ sơ vay vốn của khách hàng, Phiếu thẩm định, tái thẩm định.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Mức cho vay

Mức cho vay đối với từng Hộ gia đình, Hộ kinh doanh, Doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào nhu cầu vay, vốn tự có và khả năng hoàn trả nợ của người vay nhưng không vượt quá mức cho vay tối đa sau:

a) Đối với Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có thành viên là người khuyết tật, do người khuyết tật làm chủ: mức cho vay tối đa không quá 100 triệu đồng/hộ.

b) Đối với Hộ kinh doanh có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc: mức cho vay tối đa không quá 100 triệu đồng/01 hộ và không quá 30 triệu đồng/01 lao động là người tàn tật.

c) Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa do người khuyết tật làm chủ: mức cho vay tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

d) Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc: mức cho vay tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp và không quá 30 triệu đồng /01 lao động là người tàn tật.

2. Điều kiện để được vay vốn

NHCSXH xem xét cho vay khi người đề nghị vay vốn có đủ điều kiện sau:

- a) Thuộc đối tượng vay vốn theo điểm 1 mục I phần B cầm nang;
- b) Phải có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh;
- c) Dự án, phương án sản xuất kinh doanh phải được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã ở địa phương nơi thực hiện dự án xác nhận.
Đối với hộ gia đình và hộ kinh doanh có mức cho vay đến 30 triệu đồng: UBND cấp xã xác nhận đối tượng, cư trú hợp pháp tại địa phương trên mẫu 03/TD.
- d) Theo từng trường hợp cụ thể, các đối tượng là người khuyết tật phải có Giấy xác nhận khuyết tật do Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận.
- e) Đối với các khoản vay vốn trên 30 triệu đồng phải thực hiện đảm bảo tiền vay theo quy định hiện hành của NHCSXH.

3. Thời hạn cho vay và định kỳ hạn trả nợ

a) Thời hạn cho vay:

NHCSXH và người vay thỏa thuận về thời hạn cho vay cụ thể căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay, chu kỳ sản xuất kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của phương án sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của người vay để xác định thời hạn cho vay cho phù hợp nhưng tối đa không quá 60 tháng và không quá thời hạn còn lại theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh và Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Định kỳ hạn trả nợ:

+ Các khoản cho vay ngắn hạn đến 12 tháng không phải định kỳ hạn nợ, người vay trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

+ Các khoản cho vay có thời hạn trên 12 tháng đến 60 tháng phải định kỳ hạn nợ 6 tháng hoặc 1 năm một lần.

4. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất trong hạn: Bằng lãi suất chương trình cho vay hộ nghèo của NHCSXH (hiện nay là 0,65%/tháng)

b) Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% của lãi suất cho vay trong hạn.

c) Trả lãi tiền vay: Lãi tiền vay được trả theo định kỳ tháng.

5. Phương thức cho vay

a) Đối với người vay là Hộ gia đình, Hộ kinh doanh có mức cho vay đến 30 triệu đồng, NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp đến người vay thông qua phương thức uỷ thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội như cơ chế uỷ thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Đối với những nơi đã có Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) hoạt động thì Tổ

trường Tổ TK&VV tổ chức kết nạp người vay vào tổ để họ có đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng.

Đối với những nơi chưa có Tổ TK&VV thì Ngân hàng nơi cho vay thỏa thuận với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương chỉ đạo thành lập Tổ TK&VV tạo điều kiện cho người vay làm thủ tục vay vốn Ngân hàng.

b) Đối với người vay là: Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu đồng, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại Hội sở Ngân hàng cấp tỉnh, cấp huyện.

6. Bảo đảm tiền vay

a) Mức cho vay đến 30 triệu đồng, thì người vay không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

b) Mức cho vay trên 30 triệu đồng đến 500 triệu đồng người vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH.

III. THỦ TỤC VÀ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CHO VAY

1. Quy trình cho vay

a) Đối với người vay vốn là Hộ gia đình, hộ kinh doanh có mức vay đến 30 triệu đồng:

- Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) kèm bản sao các Giấy tờ sau, gửi Tổ TK&VV:

+ Đối với hộ gia đình: Giấy xác nhận khuyết tật của người khuyết tật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Nếu chủ hộ vay vốn không phải là người khuyết tật thì phải có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã về việc người khuyết tật là thành viên của hộ gia đình vay vốn.

+ Đối với Hộ kinh doanh có thành viên là người khuyết tật, Hộ kinh doanh do người khuyết tật làm chủ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật do Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận.

Trường hợp hộ kinh doanh có thành viên là người khuyết tật phải có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã về việc người khuyết tật là thành viên của hộ kinh doanh.

+ Đối với Hộ kinh doanh có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Danh sách người lao động là người khuyết tật và Giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật có trong danh sách.

- Tổ TK&VV nhận hồ sơ của người vay, tiến hành tổ chức họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị kèm phương án sử dụng vốn vay, đối chiếu với đối tượng xin vay vốn đúng với quy định của Dự án. Nếu chưa đúng thì hướng dẫn người vay làm lại thủ tục hoặc bổ sung phần còn thiếu. Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH

(mẫu số 03/TD) kèm theo các giấy tờ quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 1 mục III phần B cẩm nang này trình UBND cấp xã xác nhận.

- Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD), Tổ trưởng Tổ TK&VV nộp bộ hồ sơ đến NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục phê duyệt.

- Nhận được hồ sơ cho vay do Tổ TK&VV gửi đến, cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công thực hiện kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ đề nghị vay vốn trình Trưởng phòng (Tổ trưởng Tín dụng); Trưởng phòng (Tổ trưởng Tín dụng) có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ trình Giám đốc nơi cho vay phê duyệt.

Để thực hiện các thủ tục rút vốn từ nguồn vốn tài trợ ban đầu từ Quỹ Nippon (150.000 USD/01 năm cho 3 năm đầu tiên), NHCSXH nơi cho vay gửi hồ sơ lên NHCSXH cấp tỉnh gồm: bản sao Giấy đề nghị kiêm phương án sử dụng vốn vay mẫu 01/TD và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn mẫu 03/TD (có đóng dấu xác nhận bản sao của NHCSXH nơi cho vay). NHCSXH cấp tỉnh, tổng hợp gửi về Ban Hợp tác Quốc tế NHCSXH để gửi cho Quỹ Nippon xem xét.

- Căn cứ phản hồi của Quỹ Nippon, Ban quản lý dự án thông báo kết quả ý kiến của tổ chức Nippon (theo mẫu 04A/TD-Nippon) gửi Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh để thông báo cho NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân. Thời hạn xem xét và cho ý kiến của Quỹ Nippon không quá 7 ngày kể từ ngày Ban Hợp tác quốc tế nhận được hồ sơ từ NHCSXH cấp tỉnh.

Việc cho vay từ Nguồn vốn quay vòng: Các khoản vay từ nguồn vốn thu hồi từ các khách hàng vay vốn NHCSXH nơi cho vay không phải làm thủ tục gửi NHCSXH cấp tỉnh để gửi Ban Hợp tác quốc tế Hội sở chính.

- Sau khi phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã, UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị nhận ủy thác) để tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thông báo cho Tổ TK&VV, Tổ TK&VV thông báo cho người vay đến điểm giao dịch tại xã để làm thủ tục nhận tiền vay.

b) Đối với người vay vốn là Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu đồng, Doanh nghiệp nhỏ và vừa:

- Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất (mẫu số 01A/TD) đối với Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu, Giấy đề nghị vay vốn mẫu số 01/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa) xin xác nhận của UBND cấp xã về địa điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đối tượng hiện đang hoạt động trên địa bàn kèm bản sao các Giấy tờ sau, gửi NHCSXH nơi cho vay:

+ Đối với hộ gia đình: Giấy xác nhận khuyết tật của người khuyết tật do Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận. Nếu chủ hộ vay vốn không phải là người khuyết tật thì phải có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận là người khuyết tật là thành viên của hộ gia đình vay vốn.

+ Đối với Hộ kinh doanh có thành viên là người khuyết tật, Hộ kinh doanh do người khuyết tật làm chủ; Doanh nghiệp nhỏ và vừa do người khuyết tật làm chủ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật do Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận.

Trường hợp hộ kinh doanh có thành viên là người khuyết tật phải có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã về việc người khuyết tật là thành viên của hộ kinh doanh.

+ Đối với Hộ kinh doanh có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Danh sách người lao động là người khuyết tật và Giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật có trong danh sách.

+ Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Danh sách người lao động là người khuyết tật và Giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật có trong danh sách, Hợp đồng lao động hoặc Quyết định tuyển dụng của những người khuyết tật đang làm việc.

- NHCSXH nơi cho vay sau khi nhận được Giấy đề nghị vay vốn kèm theo các giấy tờ quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 1 mục III phần B cầm nang này có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ và tiến hành thẩm định theo mẫu (mẫu số 02/TD đối với Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu, mẫu số 02/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa).

- Căn cứ vào kết quả thẩm định, cán bộ NHCSXH ghi rõ ý kiến cho vay hoặc không đủ điều kiện cho vay gửi Trưởng phòng (Tổ trưởng tín dụng); Trưởng phòng (Tổ trưởng tín dụng) có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ hoặc thẩm định lại (nếu cần thiết) trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt.

Đối với dự án vay vốn vượt mức phán quyết cho vay, Phòng giao dịch tổ chức thẩm định và báo cáo NHCSXH cấp tỉnh, thành phố. Tại NHCSXH cấp tỉnh, thành phố, Trưởng phòng Kế hoạch Nghiệp vụ tín dụng tổ chức thẩm định lại (nếu thấy cần thiết) và trình Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh, thành phố xem xét phê duyệt. Nội dung tờ trình về việc phê duyệt dự án cho vay cần nêu rõ một số điểm cơ bản: Tên doanh nghiệp, mức vốn xin vay, ý kiến của cán bộ thẩm định và của Phòng giao dịch về nhu cầu vay của Doanh nghiệp. NHCSXH cấp tỉnh, thành phố thông báo cho Phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay về việc phê duyệt hay không phê duyệt.

Để thực hiện các thủ tục rút vốn từ nguồn vốn tài trợ ban đầu từ Quỹ Nippon (150.000 USD/1 năm cho 3 năm đầu tiên), NHCSXH nơi cho vay gửi hồ sơ lên NHCSXH cấp tỉnh gồm: bản sao Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01A/TD đối với Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu, mẫu số 01/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa) và Phiếu thẩm định (mẫu số 02/TD đối với Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu, mẫu số 02/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa). NHCSXH cấp tỉnh, tổng hợp gửi về Ban Hợp tác Quốc tế NHCSXH để gửi cho Quỹ Nippon xem xét.

- Căn cứ phản hồi của Quỹ Nippon, Ban quản lý dự án thông báo kết quả ý kiến của tổ chức Nippon (theo mẫu 04A/TD-Nippon) gửi Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh để thông báo cho NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân. Thời hạn xem xét và cho ý kiến của Quỹ Nippon không quá 7 ngày kể từ ngày Ban Hợp tác quốc tế nhận được hồ sơ từ NHCSXH cấp tỉnh.

Việc cho vay từ Nguồn vốn quay vòng: Các khoản vay từ nguồn vốn thu hồi từ các khách hàng vay vốn NHCSXH nơi cho vay không phải làm thủ tục gửi NHCSXH cấp tỉnh để gửi Ban Hợp tác Quốc tế Hội sở chính.

- Sau khi được phê duyệt, cán bộ tín dụng được phân công hướng dẫn người vay lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định. Trường hợp không được vay, thì lập thông báo (mẫu số 04/TD đối với Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu, mẫu số 09/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa) gửi người vay.

- Sau khi hoàn thành thủ tục bảo đảm tiền vay theo quy định, người vay cùng NHCSXH lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05b/GQVL đối với Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu, mẫu số 03/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa).

c) Thời gian thẩm định, phê duyệt:

- Các khoản vay trong quyền phán quyết: Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi NHCSXH nơi cho vay nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ và các thông tin cần thiết của khách hàng theo yêu cầu của NHCSXH, NHCSXH nơi cho vay phải quyết định việc phê duyệt hay không phê duyệt.

- Các khoản vay vượt quyền phán quyết: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi NHCSXH nơi cho vay nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ và các thông tin cần thiết của khách hàng theo yêu cầu của NHCSXH, NHCSXH nơi cho vay phải làm đầy đủ thủ tục trình lên NHCSXH cấp tỉnh. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình, NHCSXH cấp tỉnh phải thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận.

2. Tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi

a) Đối với người vay vốn là Hộ gia đình, Hộ kinh doanh có mức vay đến 30 triệu đồng: Việc tổ chức giải ngân được thực hiện tại Điểm giao dịch xã, thu nợ, thu lãi được thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo, người vay trực tiếp nhận tiền vay tại nơi quy định. Trường hợp người vay không trực tiếp nhận tiền vay, được uỷ quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền vay nhưng phải có xác nhận của UBND xã.

b) Đối với người vay vốn là Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu đồng, Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Việc tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi do người vay và ngân hàng thỏa thuận tại Điểm giao dịch xã hoặc tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo hướng tạo sự thuận lợi nhất cho người vay vốn.

Trường hợp người vay không trực tiếp nhận tiền vay: Đối với Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu đồng được uỷ quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền vay nhưng phải có xác nhận của UBND xã; Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa được uỷ quyền cho thành viên khác bằng văn bản có xác nhận của chủ Doanh nghiệp và thành viên đó đã đăng ký chữ ký tại Ngân hàng nơi cho vay.

c) Mỗi lần giải ngân, thu nợ, thu lãi kê toán ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký xác nhận tiền vay theo quy định.

3. Thẩm định tín dụng

a) Đối với người vay vốn là Hộ gia đình, Hộ kinh doanh có mức vay đến 30 triệu đồng: Trên cơ sở ý kiến bình xét của Tổ TK&VV, xác nhận của UBND xã, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thẩm định.

b) Đối với người vay vốn là Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu đồng, Doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngân hàng nơi cho vay căn cứ vào hồ sơ do người vay gửi để thực hiện thẩm định từng trường hợp. Phương pháp thẩm định, lập Phiếu thẩm định được thực hiện theo Phụ lục đính kèm Cẩm nang.

4. Thủ tục bảo đảm tiền vay

Thủ tục bảo đảm tiền vay thực hiện theo hướng dẫn bảo đảm tiền vay của NHCSXH, hiện nay thực hiện theo văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc Hướng dẫn thực hiện các biện pháp Bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH.

5. Xử lý nợ đến hạn

a) Đến hạn trả nợ, người vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi đầy đủ cho NHCSXH.

b) Điều chỉnh kỳ hạn nợ:

- Đối với khoản vay trung hạn trường hợp người vay là Hộ gia đình, Hộ kinh doanh gặp khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo (không chuyển nợ quá hạn của từng kỳ hạn).

- Đối với khoản vay trung hạn: trường hợp người vay là Doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn chưa trả được nợ gốc đúng kỳ hạn đã cam kết thì trước 05 ngày phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 08/DNV&N) gửi NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ tiếp theo.

c) Gia hạn nợ: Trước 05 ngày của kỳ hạn trả nợ cuối cùng của thời hạn vay, người vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 07/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa, mẫu số 09/TD đối với người vay là Hộ) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ. Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay, đối với cho vay trung hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn đã cho vay.

6. Chuyển nợ quá hạn

a) Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ, NHCSXH không chấp thuận cho gia hạn nợ thì chuyển dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

b) Đến kỳ hạn trả nợ đối với người vay vốn là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, nếu không được ngân hàng xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn nợ thì chuyển số tiền đến hạn của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn.

c) Các trường hợp người vay sử dụng vốn sai mục đích, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn khoản vốn vay sử dụng sai mục đích hoặc chuyển sang nợ quá hạn đối với khoản vốn vay sử dụng sai mục đích sau khi người vay không thực hiện theo cam kết (khi phát hiện người vay sử dụng vốn vay sai mục đích).

- Khi thực hiện chuyển nợ quá hạn NHCSXH nơi cho vay thông báo đến người vay việc chuyển nợ quá hạn (mẫu số 05/DNV&N đối với doanh nghiệp, mẫu số 14/TD đối với người vay là hộ).

7. Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay

a) Đối với người vay vốn là Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay vốn đến 30 triệu đồng, thực hiện phương thức uỷ thác từng phần cho các tổ chức chính trị - xã hội trực tiếp đảm nhận các phân việc:

*** Tổ TK&VV**

- Tổ TK&VV có nhiệm vụ kiểm tra điều kiện vay vốn của người vay khi nhận Giấy đề nghị vay vốn, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy xác nhận khuyết tật, Danh sách người lao động là người khuyết tật từ người vay để xác định đúng đối tượng được vay.

- Thường xuyên làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đôn đốc người vay trong Tổ TK&VV sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng kỳ hạn cam kết; chứng kiến và kiểm tra các buổi giải ngân cho vay, thu nợ, thu lãi.

- Cùng với các tổ chức chính trị - xã hội và cán bộ NHCSXH bàn bạc thống nhất ý kiến xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ bị rủi ro trình UBND cấp xã đề nghị xử lý.

*** Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã**

- Chỉ đạo và tham gia cùng Tổ TK&VV tổ chức họp tổ để bình xét công khai người vay có nhu cầu vay vốn và đủ điều kiện vay đưa vào Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

- Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của người vay theo hình thức đối chiếu công khai (mẫu số 06/TD), kiểm tra việc thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc và thông báo kịp thời cho Ngân hàng nơi cho vay về các trường hợp sử dụng vốn vay sai mục đích, vay ké, bỏ trốn, chết, mất tích, bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn...) để có biện pháp xử lý kịp thời. Phối hợp cùng NHCSXH và chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn và hướng dẫn người vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan (nếu có).

- Chỉ đạo và giám sát Ban quản lý Tổ TK&VV trong việc thực hiện Hợp đồng uỷ nhiệm đã ký với NHCSXH.

*** NHCSXH nơi cho vay**

- Thực hiện kiểm tra đối chiếu Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) với Danh sách thành viên Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD). Kiểm tra tính pháp lý của bộ hồ sơ vay vốn theo quy định, kiểm tra việc thu hút lao động là người khuyết tật vào làm việc.

- Định kỳ hoặc đột xuất, lãnh đạo NHCSXH mời các thành viên trong Ban đại diện HĐQT NHCSXH cùng cấp thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổ TK&VV, của người vay và của tổ chức hội cấp dưới trong việc chấp hành chính sách tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn của người vay.

- Tham gia xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn, nợ bị xâm tiêu, chiếm dụng lập hồ sơ đối với các khoản nợ bị rủi ro (nếu có)...

b) Đối với người vay vốn là Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay vốn trên 30 triệu đồng, Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

NHCSXH có trách nhiệm trực tiếp kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của người vay, nhằm đôn đốc người vay thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng. Nội dung kiểm tra như sau:

- Kiểm tra trước khi cho vay: Là việc thẩm định, tái thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định.

- Kiểm tra trong khi cho vay: Là việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ cho vay và các yếu tố chứng từ; sự khớp đúng giữa Chứng

minh thư nhân dân và người vay, giữa người nhận tiền và người có tên trên Giấy đề nghị vay vốn, kiểm tra xem hộ vay có người khuyết tật hoặc Doanh nghiệp có thực hiện đúng cam kết thu hút người lao động là người tàn tật vào làm việc...

- Kiểm tra sau khi cho vay:

+ Kiểm tra sử dụng vốn vay theo mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng;

+ Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

+ Kiểm tra hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay với hồ sơ bảo đảm tiền vay (mẫu số 06/DNV&N đối với Doanh nghiệp và mẫu số 06/TD đối với Hộ có mức vay vốn trên 30 triệu đồng).

- Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra sau khi cho vay để theo dõi và quản lý (mẫu số 06/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa và mẫu số 06/TD đối với Hộ).

c) Xử lý sau kiểm tra

Giám đốc NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào kết quả kiểm tra tùy theo mức độ vi phạm của người vay quyết định xử lý như sau:

- Tạm ngừng cho vay: Trong các trường hợp người vay sử dụng vốn vay sai mục đích, cung cấp thông tin sai sự thật.

- Châm dứt cho vay: Trong các trường hợp người vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã cam kết nhưng không khắc phục, sửa chữa; người vay ngừng sản xuất có thể dẫn đến phá sản; quá trình tổ chức lại sản xuất không xác định được người chịu trách nhiệm chính trước pháp luật về quan hệ vay vốn và trả nợ ngân hàng.

- Thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn, giải chấp tài sản bảo đảm để thu hồi vốn.

- Khởi kiện trước pháp luật:

+ Người vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

+ Người vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng;

+ Người vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng theo thoả thuận;

+ Người vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

+ Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

8. Xử lý nợ bị rủi ro

a) Quỹ dự phòng rủi ro bao gồm:

- Thu nhập từ lãi tiền gửi vốn tài trợ từ Quỹ Nippon tại ngân hàng thương mại bên ngoài hệ thống kế toán của NHCSXH.

- Thu nhập từ lãi cho vay sau khi trừ chi phí hoạt động NHCSXH (0,35%/tháng)

b) Quỹ dự phòng rủi ro sẽ được sử dụng như một quỹ bù đắp cho những rủi ro tín dụng liên quan các hoạt động cho vay.

c) Xử lý nợ bị rủi ro:

- Việc xử lý nợ bị rủi ro được trích từ Quỹ dự phòng rủi ro của dự án. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ để xử lý các khoản nợ bị rủi ro thì giảm trừ trực tiếp vào nguồn vốn của Dự án.

- Điều kiện xử lý rủi ro, quy trình, thủ tục xử lý nợ rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

- Việc quyết định xử lý nợ bị rủi ro do Tổng giám đốc NHCSXH quyết định.

9. Lưu trữ Hồ sơ cho vay

- Bộ phận tín dụng lưu giữ: Hồ sơ kinh tế của người vay.

- Bộ phận kế toán lưu giữ: Hồ sơ pháp lý, hồ sơ vay vốn và các loại giấy tờ khác của người vay. Các giấy tờ về bảo đảm tiền vay của người vay được lưu giữ theo quy định của NHCSXH.

Đối với hồ sơ do kế toán lưu giữ, bộ phận tín dụng và các bộ phận khác khi có nhu cầu sử dụng thì sao chụp bản gốc theo lệnh của Giám đốc hoặc người được ủy quyền.

a) Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp:

Bao gồm 3 loại hồ sơ sau: Hồ sơ pháp lý, Hồ sơ kinh tế, Hồ sơ vay vốn.

- Hồ sơ pháp lý:

+ Đối với hộ gia đình: Giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật.

+ Đối với Hộ kinh doanh, Doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm:

✓ Giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật.

✓ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Hồ sơ kinh tế:

Báo cáo tài chính và kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 2 năm liền kề và kỳ gần nhất (nếu có).

- Hồ sơ vay vốn:

+ Đối với Hộ gia đình, Hộ kinh doanh có mức vay đến 30 triệu đồng: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

+ Đối với Hộ gia đình có mức vay trên 30 triệu đồng: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất (mẫu số 01A/TD).

+ Đối với Hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu đồng: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất (mẫu số 01A/TD); Danh sách người lao động là người khuyết tật; Hợp đồng lao động hoặc Quyết định tuyển dụng của những người khuyết tật đang làm việc.

+ Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01/DNV&N); Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Danh sách người lao động là người khuyết tật; Hợp đồng lao động hoặc Quyết định tuyển dụng của những người khuyết tật đang làm việc.

+ Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 08/DNV&N) đối với Doanh nghiệp

+ Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 07/DNV&N đối với Doanh nghiệp, mẫu số 09/TD đối với người vay là Hộ)

b) Hồ sơ do NHCSXH lập

- Phiếu thẩm định theo mẫu số 02/TD đối với hộ gia đình, hộ kinh doanh

- Phiếu thẩm định theo mẫu số 02/DNV&N

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD đối với hộ gia đình và hộ kinh doanh

- Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 09/DNV&N)

- Thông báo chuyển nợ quá hạn (mẫu số 05/DNV&N đối với doanh nghiệp, mẫu số 14/TD đối với người vay là hộ).

c) Hồ sơ do khách hàng và NHCSXH cùng lập

- Hợp đồng tín dụng đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Mẫu số 03/DNV&N); Sổ vay vốn đối với hộ gia đình, hộ kinh doanh có mức vay đến 30 triệu đồng; Hợp đồng tín dụng đối với hộ gia đình, hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu đồng (mẫu số 05b/GQVL)

- Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

- Biên bản xác định nợ bị rủi ro bất khả kháng (nếu có).

- Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa và mẫu số 06/TD đối với Hộ).

d) Hồ sơ do Tổ TK&VV lập

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD).

10. Báo cáo

Các đơn vị báo cáo gồm: Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch huyện thực hiện dự án tổ chức thực hiện nhiệm vụ thông tin báo cáo liên quan đến dự án theo quy định hiện hành của NHCSXH (Quyết định số 1466/QĐ-NHCS ngày 17/6/2011 của Tổng giám đốc NHCSXH).

Ngoài ra, ngày 07 hàng tháng chi nhánh gửi báo cáo bổ sung theo mẫu biểu số 04/BC-Nippon về Hội sở chính (Ban Tín dụng Học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác).

11. Các mẫu biểu

- Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/DNV&N áp dụng đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay: mẫu số 01/TD áp dụng đối với Hộ gia đình, hộ kinh doanh vay vốn đến 30 triệu đồng, mẫu số 01A/TD đối với hộ gia đình, Hộ kinh doanh từ trên 30 triệu đồng.
- Phiếu thẩm định theo mẫu số 02/TD áp dụng đối với Hộ gia đình, Hộ kinh doanh.
- Phiếu thẩm định theo mẫu số 02/DNV&N áp dụng đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Hợp đồng tín dụng đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Mẫu số 03/DNV&N)
 - Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD);
 - Thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD đối với hộ gia đình và hộ kinh doanh
 - Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 09/DNV&N)
 - Hợp đồng tín dụng đối với hộ gia đình, hộ kinh doanh có mức vay trên 30 triệu đồng (mẫu số 05b/GQVL)
 - Thông báo chuyển nợ quá hạn (mẫu số 05/DNV&N đối với doanh nghiệp
 - Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa và mẫu số 06/TD đối với Hộ).
 - Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 08/DNV&N) đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa
 - Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 07/DNV&N đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa, mẫu số 09/TD đối với người vay là Hộ)
 - Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD);
 - Thông báo chuyển nợ quá hạn theo mẫu số 14/TD đối với người vay là Hộ

C. Hạch toán kế toán

I. Quản lý và rút vốn Dự án.

1. Tài khoản tiền gửi vốn tài trợ từ Quỹ Nippon.

Theo văn kiện thoả thuận tài trợ Dự án đã ký ngày 19/10/2012 giữa Chủ tịch Quỹ Nippon và Tổng giám đốc NHCSXH, Quỹ Nippon chuyển tiền cho Dự án vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ với tên tài khoản: Sở Giao dịch NHCSXH, số hiệu tài khoản: 1240202011016 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai.

Khi nhận được tiền do Quỹ Nippon chuyển về, Ban Quản lý Dự án lệnh cho Sở Giao dịch bán ngoại tệ từ tài khoản 1240202011016 nói trên để chuyển tiền sang tài khoản tiền gửi Việt Nam đồng do Ban Quản lý Dự án mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai quản lý.

Trong thời gian rút vốn, Ban Quản lý Dự án chịu trách nhiệm theo dõi và định kỳ hàng năm lập Báo cáo hoạt động tài khoản tiền gửi Việt Nam đồng do Ban Quản lý Dự án mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai (Mẫu số 01/BC-NIPPON).

2. Rút vốn cho hoạt động hỗ trợ kỹ thuật

Căn cứ kế hoạch triển khai dự án, khi phát sinh chi phí hỗ trợ kỹ thuật (Đào tạo và hội thảo; Giám sát và đánh giá; Mua sắm trang thiết bị; Thông tin và truyền thông), trong phạm vi số tiền được phân bổ cho chi phí hỗ trợ kỹ thuật, Ban Quản lý Dự án rút tiền từ tài khoản tiền gửi Việt Nam đồng do Ban Quản lý Dự án mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai để triển khai thực hiện.

Ban Quản lý Dự án chịu trách nhiệm theo dõi, ghi chép chi phí phát sinh, quản lý chứng từ và định kỳ hàng năm lập Báo cáo chi hỗ trợ kỹ thuật (Mẫu số 02/BC-NIPPON).

3. Rút vốn tạo lập Quỹ cho vay quay vòng tại NHCSXH

Trong thời gian rút vốn, ban Quản lý dự án căn cứ Danh sách hồ sơ cho vay được Quỹ Nippon chấp thuận để thông báo cho Chi nhánh NHCSXH nơi cho vay giải ngân, đồng thời căn cứ tổng số tiền trên Danh sách hồ sơ cho vay được Quỹ Nippon chấp thuận lập uỷ nhiệm chi để rút vốn tài trợ trên tài khoản tiền gửi Việt Nam đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai chuyển cho NHCSXH ghi nhận nguồn vốn tài trợ của Quỹ Nippon.

Khi nhận được tiền do Ban Quản lý Dự án chuyển cho NHCSXH, Sở Giao dịch NHCSXH ghi nhận nguồn vốn Dự án tài trợ của Quỹ Nippon tại NHCSXH và hạch toán như sau:

{ Nợ TK: 131101- Tiền gửi tại các Ngân hàng hoặc TK thích hợp
Có TK: 441112 - Vốn Tài trợ tiểu khoản Dự án Nippon

II. Hạch toán giải ngân cho vay Dự án

Khi nhận được thông báo của Ban Quản lý Dự án, NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào Danh sách hồ sơ cho vay được Quỹ Nippon chấp thuận để giải ngân theo quy định của NHCSXH và hạch toán như sau:

- TK: 251199 - Cho vay vốn UTĐT (*Mở tiểu khoản theo dự án*)
- Có TK: Tiền mặt hoặc TK thích hợp

III. Hạch toán thu nợ gốc - cho vay quay vòng:

* Khi thu nợ gốc, NHCSXH nơi cho vay hạch toán

- Nợ TK: Tiền mặt hoặc TK thích hợp
- Có TK: 251199 - Cho vay vốn UTĐT (*Mở tiểu khoản theo dự án*)

* Khi giải ngân, NHCSXH nơi cho vay hạch toán:

- Nợ TK: 251199 - Cho vay vốn UTĐT (*Mở tiểu khoản theo dự án*)
- Có TK: Tiền mặt hoặc TK thích hợp

IV. Hạch toán thu lãi

Khi thu lãi kế toán hạch toán:

- Nợ TK: Tiền mặt **hoặc** TK thích hợp
- Có TK: 714001 - Thu nghiệp vụ ủy thác và đại lý (*tiểu khoản theo dự án*)

V. Trích lập và hạch toán Quỹ dự phòng rủi ro.

- Đối với Quỹ dự phòng hình thành từ lãi tiền gửi:

Khi kết thúc thời gian rút vốn, Ban Quản lý Dự án căn cứ số lãi tiền gửi vốn tài trợ từ Quỹ Nippon tại Ngân hàng Thương mại để rút tiền lãi và lệnh cho Sở giao dịch hạch toán trích lập quỹ Dự phòng rủi ro của dự án như sau:

- Nợ TK: 131101- Tiền gửi tại các Ngân hàng **hoặc** TK thích hợp
- Có TK: 259202 - Dự phòng rủi ro cho vay vốn UTĐT (*tiểu khoản theo dự án*)

- Đối với Quỹ dự phòng hình thành từ thu lãi cho vay:

Định kỳ hàng quý hoặc hàng tháng (khi triển khai Dự án hiện đại hoá tin học), NHCSXH căn cứ số lãi thực thu để trích lập quỹ dự phòng rủi ro và hạch toán.

* **Tại phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay lập lệnh chuyển tiền:**

- Nợ TK: 882202 - Chi dự phòng rủi ro vốn TT, UTĐT
- Có TK: 511102 - Chuyển tiền đi nội tỉnh (Quỹ DPRR *dự án*)

* **Tại Hội sở tỉnh:**

Nhận được lệnh chuyển Có kèm Bảng kê trích Quỹ dự phòng cho vay vốn tài trợ ủy thác đầu tư của các phòng giao dịch trực thuộc, kế toán hạch toán:

- { Nợ TK: 511202 - Chuyển tiền đến nội tỉnh năm nay
- { Có TK: 459909 – Các khoản phải trả khác (theo dõi tiểu khoản chi tiết)

Hội sở chi nhánh trích dự phòng rủi ro đối với số lãi thu được tại hội sở và chịu trách nhiệm tập hợp cùng với số tiền trích lập từ các phòng giao dịch trực thuộc lập lệnh chuyển về Sở giao dịch.

- { Nợ TK: 882202 - Chi dự phòng rủi ro vốn TT, UTĐT (số trích lập tại hội sở chi nhánh)
- { Nợ TK: 459909 – Các khoản phải trả khác tiểu khoản chi tiết (số tập hợp từ các PGD trích lập chuyển về)
- Có TK Chuyển tiền đi ngoại tỉnh

*** Tại Sở giao dịch:**

Nhận được lệnh chuyển Có kèm Bảng kê trích Quỹ dự phòng cho vay vốn tài trợ ủy thác đầu tư, kế toán hạch toán:

- { Nợ TK Chuyển tiền đến ngoại tỉnh
- { Có TK: 259202 - Dự phòng rủi ro cho vay vốn UTĐT (tiểu khoản theo dự án)

VI. Quản lý, sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro

Quỹ dự phòng rủi ro được quản lý theo dõi tập trung tại Sở Giao dịch NHCSXH. Khi sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro hạch toán như sau:

- Tại NHCSXH nơi cho vay

Căn cứ danh sách người vay được xóa nợ theo Thông báo hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền và số dư nợ gốc thực tế tại thời điểm hạch toán, kế toán lập bảng kê chứng từ và hạch toán:

- | | | |
|---|---|-----------------|
| <ul style="list-style-type: none"> { Nợ TK: Phải thu từ Hội sở chính (Mở tiểu khoản chi tiết) { Có TK: 251199- Cho vay vốn TT, UTĐT | } | Nợ gốc được xóa |
|---|---|-----------------|

Căn cứ số dư tài khoản Phải thu từ Hội sở chính, Phòng giao dịch NHCSXH lập lệnh chuyển Nợ, chuyển số tiền gốc đã xóa nợ về Hội sở tỉnh ngay trong ngày làm việc (qua chuyển tiền nội tỉnh), hạch toán:

- { Nợ TK: Chuyển tiền đi nội tỉnh năm nay
- { Có TK: Phải thu từ Hội sở chính

- Tại Hội sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh

Nhận được lệnh chuyển Nợ của các Phòng giao dịch chuyển đến, thực hiện kiểm tra, đối chiếu với thông báo xóa nợ, hạch toán:

- { Nợ TK: Phải thu từ Hội sở chính (*Mở tiểu khoản chi tiết*)
- { Có TK: Chuyển tiền đến nội tỉnh năm nay

Sau khi thực hiện hạch toán xóa nợ tại Hội sở tỉnh theo hướng dẫn thực hiện tại NHCSXH nơi cho vay trên đây; tập hợp đầy đủ số nợ xóa tại các Phòng giao dịch cấp huyện tại hội sở chi nhánh và lập lệnh chuyển Nợ số tiền đã xóa toàn chi nhánh qua chuyển tiền điện tử ngoại tỉnh về Sở giao dịch NHCSXH và hạch toán:

- { Nợ TK: Chuyển tiền đi ngoại tỉnh
- { Có TK: Phải thu từ Hội sở chính

- Tại Sở giao dịch NHCSXH

Nhận được lệnh chuyển Nợ của chi nhánh chuyển đến, hạch toán:

- { Nợ TK: Nợ TK: 259202 - Dự phòng cho vay bằng vốn TT, UTĐT (*tiểu khoản Dự án*)
- { Có TK: Chuyển tiền đến ngoại tỉnh”

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NIPPON***Mẫu số 01/BC-NIPPON***BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG****TÀI KHOẢN TIỀN GỬI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NIPPON**

Năm

STT	Khoản mục	Số dư đầu năm (VND)	Số đã nhận				Số đã rút từ Tài khoản BQLDA (VND)		Số dư cuối năm	
			Ngoại tệ đã nhận từ Quỹ Nippon		Chuyển vào tài khoản của Ban QLDA (VND)		Trong năm (VND)	Lũy kế (VND)		
			Trong năm (USD)	Lũy kế (USD)	Trong năm (VND)	Lũy kế (VND)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(3)+ +(6)-(8)	
1	Nguồn hỗ trợ kỹ thuật									
2	Nguồn cho vay Dự án									
3	Lãi tiền gửi									
	Tổng cộng tài khoản									

*Hà Nội, ngày tháng năm.....***KẾ TOÁN****GIÁM ĐỐC**

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NIPPON

Mẫu số 02/BC-NIPPON.

BÁO CÁO

CHI HỖ TRỢ KỸ THUẬT DỰ ÁN NIPPON

Năm

Đơn vị tính: VND

STT	Khoản mục chi	Trong năm	Luỹ kế Dự án
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đào tạo và Hội thảo		
2	Giám sát và đánh giá		
3	Mua sắm trang thiết bị		
4	Thông tin và tuyên truyền		
	Tổng cộng		

Hà Nội, ngày tháng năm.....

KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC